

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

Số: **54**/2021/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quảng Ngãi, ngày **14** tháng 10 năm 2021

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định khung giá dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga cảng biển  
do địa phương quản lý trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;*

*Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;*

*Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;*

*Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;*

*Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17 tháng 02 tháng 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ;*

*Căn cứ Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 85/TTr-SGTVT ngày 27 tháng 7 năm 2021; kết quả thẩm định của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 1463/STC-QLGCS ngày 09 tháng 6 năm 2021; Báo cáo thẩm định của Giám đốc Sở Tư pháp: Số 140/BC-STP ngày 09 tháng 7 năm 2021 và số 991/STP-XDKT&TDTHPL ngày 22 tháng 9 năm 2021.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quyết định này quy định khung giá dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga cảng biển, bao gồm: Giá dịch vụ sử dụng cầu, bến, phao neo, nhà ga cảng biển do địa phương quản lý trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (sau đây viết tắt là giá dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga cảng biển).

### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Quyết định này áp dụng với các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân liên quan đến việc cung cấp và sử dụng dịch vụ cảng, nhà ga cảng biển do địa phương quản lý trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

2. Quyết định này không áp dụng với các cơ quan, đơn vị, lực lượng vũ trang, chính quyền địa phương các cấp hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác sử dụng cảng, nhà ga cảng biển khi điều động phương tiện, neo buộc tàu thuyền để thực hiện nhiệm vụ phòng chống lụt bão, thiên tai, dịch hoại, tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn và các hoạt động công vụ khác.

### **Điều 3. Nguyên tắc xác định khung giá dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga cảng biển**

1. Khung giá dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga cảng biển theo Quyết định này được xác định bằng phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ theo quy định của pháp luật về giá và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Căn cứ quy định pháp luật hiện hành về quản lý giá dịch vụ tại cảng biển, chất lượng dịch vụ và tình hình thị trường, đơn vị cung cấp dịch vụ cảng biển quyết định mức giá cụ thể thuộc khung giá được ban hành theo Quyết định này.

Đối với giá dịch vụ tại cảng biển không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quyết định này do đơn vị cung cấp dịch vụ tại cảng biển thực hiện tự kê khai, niêm yết theo quy định của pháp luật về giá.

3. Các mức giá của khung giá dịch vụ sử dụng cảng biển tại Quyết định này đã bao gồm thuế giá trị gia tăng 10%.

### **Điều 4. Khung giá dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga cảng biển**

1. Khung giá dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga cảng biển:

| TT | Loại dịch vụ   | Đơn vị tính | Khung giá dịch vụ |            |
|----|--|-------------|-------------------|------------|
|    |  |             | Giá tối thiểu     | Giá tối đa |
| I  | Khung giá dịch vụ tàu thuyền neo buộc tại cầu, bến, phao neo |             |                   |            |
| 1  | Tàu thuyền neo buộc tại cầu bến                              | Đồng/GT/giờ | 15,0              | 19,00      |
| 2  | Tàu thuyền neo buộc tại phao neo                             | Đồng/GT/giờ | 7,00              | 10,00      |
| 3  | Cấp mạn với tàu thuyền khác tại cầu, bến                     | Đồng/GT/giờ | 6,75              | 7,50       |
| II | Khung giá dịch vụ hành khách sử dụng cảng, nhà ga cảng biển  | Đồng/người  | 16.000            | 22.000     |

2. Một số trường hợp cụ thể được miễn, tính giảm giá dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga cảng biển và cơ sở xác định đối tượng hành khách để áp dụng khung giá dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga cảng biển:

a) Miễn giá dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga cảng biển đối với tàu thuyền neo, buộc không làm hàng được do thời tiết với thời gian trên 1 (một) ngày (24 giờ liên tục), hoặc phải nhường cầu cho tàu thuyền khác theo lệnh điều động của Giám đốc cảng vụ hàng hải trong thời gian không làm hàng.

b) Đối với tàu thuyền chở hàng lỏng: Dung tích toàn phần tính bằng 85% GT lớn nhất ghi trong giấy chứng nhận do cơ quan đăng kiểm cấp cho tàu thuyền theo quy định, không phân biệt tàu có hay không có kết nước dẫn.

c) Đối với hành khách là người dân sinh sống trên huyện đảo Lý Sơn và cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang, công chức, viên chức làm việc tại huyện Lý Sơn: Giảm tối thiểu 40% giá dịch vụ hành khách sử dụng cảng, nhà ga cảng biển theo mức giá cụ thể do đơn vị cung cấp dịch vụ cảng biển quyết định thuộc khung giá quy định tại Mục II, khoản 1 Điều này.

Việc xác định đối tượng được giảm giá thực hiện theo giấy chứng minh nhân dân, căn cước công dân; hoặc giấy tờ hợp pháp khác do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp; hoặc giấy công tác, giấy công lệnh của cơ quan, đơn vị đóng trên địa bàn huyện Lý Sơn cấp.

## **Điều 5. Tổ chức thực hiện**

### **1. Sở Giao thông vận tải:**

a) Tổ chức hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động cung cấp dịch vụ cảng, nhà ga cảng biển đối với cảng biển do địa phương quản lý trên địa bàn tỉnh thực hiện kê khai mức giá cụ thể theo khung giá dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga cảng biển được quy định tại Quyết định này.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Cảng vụ Hàng hải Quảng Ngãi và các sở, ngành có liên quan tổ chức thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về giá và Quyết định này.

2. Khi có sự biến động lớn về giá cả trên thị trường, hoặc các yếu tố hình thành giá thay đổi có thể làm cho giá dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga cảng biển thấp hơn mức giá tối thiểu, hoặc cao hơn mức giá tối đa theo khung giá tại Quyết định này thì đơn vị cung cấp dịch vụ cảng, nhà ga cảng biển đề xuất sửa đổi, bổ sung khung giá, gửi Sở Giao thông vận tải để phối hợp với Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

## **Điều 6. Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 10 năm 2021.

**Điều 7.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Giao thông vận tải, Tài chính, Tư pháp; Giám đốc Cảng vụ Hàng hải Quảng Ngãi; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan,

đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 7;
- Văn phòng Chính phủ (b/cáo);
- Các Bộ: Tài chính, Giao thông vận tải;
- Cục Quản lý giá - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra Văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Giao thông vận tải;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- BTT Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Báo Quảng Ngãi;
- Đài Phát thanh – Truyền hình tỉnh;
- VPUB: PCVP, các Phòng Ng/cứu, CBTH;
- Lưu: VT, KTbngoc648

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Đặng Văn Minh**